

Số: 2656 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức
đối với các trường hợp trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức
năm 2019 vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung, một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 3696/BNV-CCVC ngày 27/7/2020 của Bộ Nội vụ về việc nội dung liên quan đến ký hợp đồng làm việc đối với trường hợp đã có quyết định trúng tuyển viên chức;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1557/SNV-CCVC ngày 29/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức đối với 77 trường hợp trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2019 vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, kể từ ngày 01/8/2020 (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên có trách nhiệm ban hành Quyết định tuyển dụng viên chức cụ thể, bố trí, phân công công tác và giao Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên ký kết hợp đồng làm việc và thực hiện chi trả lương, các khoản phụ cấp (nếu có) đối với các trường hợp có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 theo quy định.

Các trường hợp có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 được áp dụng ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn sau khi hết thời hạn của hợp đồng làm việc xác định thời hạn nếu đơn vị sự nghiệp công lập còn nhu cầu sử dụng và viên chức đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và tại Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0-5; GD, TH2, TH4;
- Lưu hồ sơ viên chức;
- Lưu: VT, TH5.

QĐ243

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Huy Hậu

**DANH SÁCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ TRÚNG TUYỂN
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019 VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
(KHỎI NHÂN VIÊN)**

(Kèm theo Quyết định số 2656 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Phan Thị Xuân		02/4/1987	Cao đẳng Thư viện-Thông tin	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	01/8/2020	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	85% Bậc 1	1,86		01/8/2020		
2	Đinh Thị Thanh Giang		02/8/1979	Trung cấp hạch toán kế toán	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	01/8/2020	Văn thư trung cấp	02.008	6	2,86	01/8/2020		01/01/2020	
3	Trần Văn Huyền	24/9/1968		Trung cấp kế toán	Trường Tiểu học Minh Thành	01/8/2020	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	8	3,26	01/8/2020		01/4/2019	
4	Bùi Văn Tập	20/8/1985		Đại học kế toán	Trường THCS Tân An	01/8/2020	Văn thư	02.007	85% Bậc 1	2,34		01/8/2020		
5	Lê Thị Trang Nhung		01/01/1991	Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế phường Nam Hòa	01/8/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc 1	1,86		01/8/2020		
6	Đỗ Xuân Thành	05/01/1991		Đại học Bác sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Cẩm La	01/8/2020	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85% Bậc 1	2,34		01/8/2020		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng lương CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Ngô Thị Kiều Oanh		29/10/1993	Đại học Điều dưỡng	Trạm Y tế xã Cẩm La	01/8/2020	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	85% Bậc I	2,34		01/8/2020		
8	Nguyễn Văn Sinh	09/8/1987		Đại học Bác sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Liên Hòa	01/8/2020	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85% Bậc I	2,34		01/8/2020		
9	Vũ Hải Tuấn	27/07/1993		Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Liên Hòa	01/8/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc I	1,86		01/8/2020		
10	Trần Thị Quỳnh Mai		20/06/1996	Đại học Dược sĩ	Trạm Y tế xã Sông Khoai	01/8/2020	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	85% Bậc I	2,34		01/8/2020		
11	Vũ Thanh Đàm	25/07/1991		Đại học Bác sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Sông Khoai	01/8/2020	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	85% Bậc I	2,34		01/8/2020		
12	Tào Thị Hồng		20/03/1989	Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Tiền Phong	01/8/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc I	1,86		01/8/2020		
13	Vũ Đình Văn	18/10/1992		Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Tiền Phong	01/8/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc I	1,86		01/8/2020		
14	Lê Hữu Phước	12/02/1984		Đại học Bác sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Hiệp Hòa	01/8/2020	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	100% Bậc I	2,34		01/8/2020		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Lê Thị Thanh Loan		09/12/1994	Cao đẳng Điều dưỡng	Trạm Y tế xã Hoàng Tân	01/8/2020	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85% Bậc I	2,06		01/8/2020		
16	Lê Thị Lệ		02/8/1994	Cao đẳng Điều dưỡng	Trạm Y tế xã Liên Vị	01/8/2020	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	85% Bậc I	2,06		01/8/2020		
17	Lê Phong Hào	16/09/1997		Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Liên Vị	01/8/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc I	1,86		01/8/2020		
18	Nguyễn Tùng Hải	06/9/1994		Đại học Giáo dục thể chất	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã	01/8/2020	Huấn luyện viên hạng III	V.10.01.03	85% Bậc I	2,34		01/8/2020		
19	Nguyễn Thị Thái		04/6/1990	Đại học Luật Kinh tế	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã	01/8/2020	Phát thanh viên hạng III	V.11.10.29	2	2,67	01/8/2020		01/6/2019	
20	Thái Thị Thanh Thùy		30/08/1983	Đại học Thư viện Thông tin	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã	01/8/2020	Thư viện viên hạng III	V.10.02.06	3	3,00	01/8/2020		01/9/2019	
21	Nguyễn Mạnh Linh	30/11/1996		Đại học Quan hệ công chúng	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã	01/8/2020	Hướng dẫn viên văn hóa hạng III	V.10.07.23	85% Bậc I	2,34		01/8/2020		
22	Lê Quang Tĩnh	24/02/1989		Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã	01/8/2020	Địa chính viên hạng III	V.06.01.02	2	2,67	01/8/2020		01/11/2019	

Ấn định danh sách trên là 22 trường hợp./.

**DANH SÁCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ TRÚNG TUYỂN
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019 VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
(KHỐI GIÁO VIÊN)**

(Kèm theo Quyết định số 2656 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Lê Thị Ngọc Ánh		08/02/1997	Đại học Sư phạm Sinh học	Trường THCS Trần Hưng Đạo	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
2	Nguyễn Thị Thu Thảo		21/8/1993	Đại học Sư phạm Văn-Địa	Trường THCS Trần Hưng Đạo	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
3	Bùi Thanh Huyền		04/6/1989	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Trần Hưng Đạo	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/5/2019	
4	Nguyễn Thị Hồng Nhung		19/5/1994	Đại học Sư phạm Toán học	Trường THCS Trần Hưng Đạo	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
5	Ngô Thị Hải Yến		02/10/1991	Thạc sĩ Hóa học	Trường THCS Hiệp Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,41		01/8/2020		
6	Nguyễn Thị Văn Anh		02/08/1992	Đại học Sư phạm Sư-Địa	Trường THCS Hiệp Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2018	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Bùi Thị Loan		07/12/1989	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Hiệp Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2019	
8	Nguyễn Thị Linh		03/8/1996	Đại học Sư phạm Toán	Trường THCS Hiệp Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2019	
9	Vũ Thị Hà		15/9/1989	Đại học Sinh học	Trường THCS Sông Khoai	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
10	Dương Thị Hiền		17/12/1991	Cao đẳng Sư phạm Văn-Địa	Trường THCS Sông Khoai	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
11	Nguyễn Thị Thu Thủy		05/6/1993	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Sông Khoai	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
12	Đậu Thị Hiền		23/12/1984	Đại học Sư phạm Địa lý	Trường THCS Cộng Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2019	
13	Lê Thị Quyền		22/6/1991	Cao đẳng Sư phạm Sinh-Thể	Trường THCS Cộng Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
14	Vũ Thị Lê		15/9/1991	Đại học Văn học	Trường THCS Cộng Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2	2,41	01/8/2020		01/03/2010	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Phạm Thị Trang		02/12/1990	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Cộng Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/01/2018	
16	Nguyễn Thị Nụ		19/9/1982	Thạc sĩ QLGD; Đại học Ngữ văn	Trường THCS Cộng Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	5	3,34	01/8/2020		01/03/2018	
17	Vũ Thị Hiền		06/04/1996	Cao đẳng sư phạm Ngữ Văn-Địa lý	Trường THCS Minh Thành	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2019	
18	Đinh Thị Thu Hà		05/6/1987	Đại học Sư phạm Văn-Sử	Trường THCS Tiền An	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	2	2,41	01/8/2020		01/6/2020	
19	Nguyễn Thanh Hương		31/12/1992	Đại học Sư phạm Văn-Sử	Trường THCS Hà An	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/01/2018	
20	Bùi Hải Duyên		07/7/1991	Đại học Sư phạm Địa lý	Trường THCS Hà An	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2018	
21	Bùi Thị Hải Yến		04/12/1993	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Tân An	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
22	Ngô Thị Thu		05/5/1991	Đại học Sư phạm Toán	Trường THCS Tân An	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	Nguyễn Thị Hồng Phương		27/01/1995	Cao đẳng Sư phạm Toán-Lý	Trường THCS Tân An	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
24	Nguyễn Thị Hà Linh		20/11/1994	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Trường THCS Hoàng Tân	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
25	Vũ Thị Chính		22/02/1989	Đại học Sư phạm Văn - Sử	Trường THCS Hoàng Tân	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/11/2019	
26	Nguyễn Thị Thu Hà		23/3/1994	Cao đẳng Sư phạm Toán-Tin	Trường THCS Hoàng Tân	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
27	Bùi Thị Thanh Trang		15/3/1994	Cao đẳng Sư phạm Toán - Lý	Trường THCS Hoàng Tân	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10			01/9/2018	
28	Trần Thị Kim Chi		05/02/1995	Cao đẳng Sư phạm Sinh-Hóa	Trường THCS Nam Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10			01/9/2018	
29	Bùi Thị Huyền		16/02/1996	Cao đẳng Sư phạm Hóa-Sinh	Trường THCS Yên Hải	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
30	Bùi Thị Huệ		22/6/1989	Đại học Sư phạm Địa lý	Trường THCS Yên Hải	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10			01/9/2018	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hướng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
31	Phạm Thị Thụy		21/8/1989	Đại học Văn học	Trường THCS Yên Hải	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/11/2019	
32	Hoàng Thị Minh Thúy		11/10/1994	Cao đẳng Sư phạm Toán-Lý	Trường THCS Yên Hải	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
33	Ngô Thị Lương		03/01/1993	Cao đẳng Sư phạm Toán - Lý	Trường TH-THCS Cẩm La	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2018	Sát nhập trường Tiểu học Cẩm La và trường THCS Cẩm La từ 01/8/2020
34	Nguyễn Thị Chung		12/10/1991	Cao đẳng Sư phạm Toán - Lý	Trường TH-THCS Cẩm La	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/4/2018	Sát nhập trường Tiểu học Cẩm La và trường THCS Cẩm La từ 01/8/2020
35	Nguyễn Thị Ánh Hồng		03/12/1993	Cao đẳng Sư phạm Ngữ Văn-GDCD	Trường TH-THCS Cẩm La	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2019	Sát nhập trường Tiểu học Cẩm La và trường THCS Cẩm La từ 01/8/2020
36	Nguyễn Thị Thúy		28/11/1990	Đại học Sư phạm Sinh-Hóa	Trường TH-THCS Cẩm La	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	Sát nhập trường Tiểu học Cẩm La và trường THCS Cẩm La từ 01/8/2020
37	Vũ Thị Vân		09/01/1996	Đại học Sư phạm Sinh học	Trường THCS Phong Cốc	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/11/2019	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
38	Vũ Thị Luyện		28/11/1990	Cao đẳng Sư phạm Sinh-Thế	Trường THCS Phong Cốc	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/12/2017	
39	Đinh Thị Thanh Thủy		22/11/1992	Đại học Sư phạm Lịch sử	Trường THCS Phong Cốc	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
40	Đặng Thị Huyền		29/3/1997	Đại học Sư phạm Toán học	Trường THCS Phong Hải	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
41	Dương Thị Hiền		12/9/1995	Cao đẳng Sư phạm Toán-Tin	Trường THCS Liên Hòa	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
42	Nguyễn Thị Thu Hà		19/5/1997	Đại học Sư phạm Hóa học	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
43	Lê Thị Thơm		22/01/1994	Cao đẳng Sư phạm Ngữ Văn-GDCD	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
44	Đoàn Thị Nhạn		13/5/1989	Đại học Sư phạm Ngữ văn-Địa lý	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
45	Vũ Thị Hoa		15/6/1990	Đại học Văn học	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/10/2019	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
46	Lê Thùy Linh		28/02/1996	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
47	Nguyễn Thị Kiều Dung		17/9/1992	Đại học Văn học	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
48	Đỗ Thị Lữ		13/11/1990	Đại học Sư phạm tiếng Anh	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
49	Nguyễn Thị Hoa		25/02/1991	Cao đẳng Sư phạm Văn-Sử	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
50	Bùi Thị Phúc		02/5/1988	Đại học Lịch sử	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
51	Nguyễn Thị Lan		27/10/1995	Đại học Sư phạm Vật lý	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		
52	Phạm Thị Lâm		15/12/1991	Cao đẳng Sư phạm Toán-Lý	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
53	Lê Thị Hồng Nhung		21/10/1993	Cao đẳng Sư phạm Toán-Tin	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/8/2020		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự tính từ ngày (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ				Tên CDNN	Mã số	Bậc	Hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
54	Đinh Thị Thu Thủy		24/8/1992	Đại học Sư phạm Toán-Lý	Trường THCS Liên Vị	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	
55	Nguyễn Thị Thu Hương		14/10/1994	Cao đẳng Sư phạm Toán-Lý	Trường TH&THCS Tiên Phong	01/8/2020	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/8/2020		01/9/2018	

Ấn định danh sách trên là 55 trường hợp./.